

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DSST

Ngày: 27-6-2017

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hụi*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Học
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh
 2. Ông Trương Văn Nga
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số 21/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX- ST ngày 08/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1966 và ông Nguyễn Công H, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(nguyên đơn có mặt; bị đơn bà K có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2017, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Quá trình giải quyết tại tòa án nguyên đơn trình bày bà K, ông H có vay bà số tiền 100.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ ngày 04/12/2015 (nhưng giấy nợ thể hiện ngày 30/11/2015) và nợ hụi số tiền 196.600.000 đồng ngày 30/11/2015 (giấy nhận nợ 04/12/2015). Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi trình bày lại:

Vào ngày 04/12/2015 vợ chồng bà K, ông H có viết giấy nhận nợ với bà N với số tiền 196.600.000 đồng, nguồn gốc tiền là do bà K chơi hụi với bà N nhưng

sau khi hết hạn thì bà K không đóng hạn mà bà N cho bà K vay tiền để đóng hạn; các bên cam kết là bà K, ông H sẽ trả dần 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hết hạn nhưng bà K, ông H không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Trước đó ngày 30/11/2015 bà K, ông H có vay bà N số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để làm ăn, các bên thỏa thuận lãi suất 02%/ tháng, hạn đến ngày 30/12/2016 vợ chồng K, H sẽ thanh toán tiền nợ nhưng đến hạn vợ chồng K, H không thanh toán cho bà được khoản nợ nào cả vốn và lãi. Do bà Nguyễn Thị Minh sinh sống tại địa phương có nợ bà số tiền 64.000.000 đồng nhưng bà K lại nợ bà Minh cũng số tiền như trên nên các đương sự thống nhất cần trừ nợ giữa bà Minh, bà K đối với bà N nên ngày 07/5/2016 vợ chồng K, H viết giấy nhận nợ với bà số tiền 64.000.000 đồng; bà N đã thanh toán được cho bà được 20.000.000 đồng tiền thiếu nợ. Tổng cộng vợ chồng bà K, ông H còn nợ của bà N số tiền 340.600.000 đồng, bà đã đi đòi nhiều lần nhưng bà K, ông H không thanh toán.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà K và ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 240.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; yêu cầu bà K và ông H thanh toán cho bà số tiền 100.000.000 đồng tiền vay nợ và yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 30/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Tại bản tự khai ngày 25/11/2017 và tại phiên tòa bà Lê Thị K trình bày:*

Quá trình giải quyết tại tòa án bà K cũng lẫn lộn ngày của hai khoản nợ trên như nguyên đơn, tại phiên tòa bà K trình bày:

Đối với giấy vay nợ ngày 30/11/2015 bà thừa nhận có vay bà N số tiền 100.000.000 đồng, mục đích là để làm ăn, do hết hạn nên chưa có tiền thanh toán cho bà N đến hạn, nay bà đồng ý thanh toán nợ cho bà N và lãi suất theo mức lãi suất và thời gian bà N yêu cầu. Đối với giấy nợ ngày 04/12/2015 với số tiền 196.600.000 đồng là tiền nợ hạn và bà đã thanh toán cho bà N được 20.000.000 đồng; bà K viết giấy nhận nợ với điều kiện bà N ghi rõ số tiền đã trả lãi và sẽ cung cấp cho tòa án. Nay bà K cũng đồng ý thanh toán cho bà N số tiền 196.600.000 đồng; số nợ tại giấy nhận nợ ngày 07/5/2016 với số tiền 64.000.000 đồng; tổng cộng bà K thừa nhận nợ với bà N số tiền 340.600.000 đồng. Tại phiên tòa bà K thừa nhận còn nợ lại bà N tổng số tiền như bà N yêu cầu và đồng ý thanh toán nợ nhưng yêu cầu được thanh toán nhưng do khó khăn nên yêu cầu được trả dần làm 05 lần, mỗi lần trong 06 tháng đến khi hết hạn.

Tại bản lấy lời khai ngày 27/4/2017 ông Nguyễn Công H trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị K. Ông thừa nhận các giấy nhận nợ các ngày 30/11/2015, 04/12/2015 và ngày 07/5/2016 là chữ ký và viết của ông nhưng do bà N đến nhà yêu cầu vợ chồng ông ký và hứa với bà N trả dần hàng tháng cho đến khi hết hạn. Việc vay nợ hay chơi hạn giữa bà K và bà N ông không biết và bà K cũng không mang tiền về để sử dụng trong gia đình nên nay bà N yêu cầu ông và bà K có nghĩa vụ trả nợ ông không đồng ý cùng bà K thanh toán nợ tổng số tiền 340.600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tuân thủ tố tụng dân sự:

Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán về cơ bản đã tiến hành đầy đủ về tố tụng; tuy còn những sai sót nhỏ như sau: tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/5/2017 không thể hiện hiện nội dung nguyên đơn không đồng ý với tài liệu mà bị đơn cung cấp nhưng tại thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải số 10 ngày 12/5/2017 lại thể hiện nội dung trên nên cần rút kinh nghiệm, cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền 240.600.000 đồng; ông H, bà K không phải chịu tiền lãi. Buộc ông H, bà K có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 01%/ tháng, thời gian từ 30/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí đề nghị tuyên bà K và ông H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K và ông Nguyễn Công H trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn là bà K và ông H có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét tính hợp pháp của các văn bản nhận nợ ngày 30/11/2015, 04/12/2015 và 07/5/2016, các đương sự thừa nhận các chữ viết và chữ ký trong các văn bản trên là của các đương sự ghi và ký tên là có thật, nội dung ghi trong văn bản là đúng thực tế và nguồn gốc dẫn đến các đương sự lập hợp đồng vay tài sản là do bà K vay trực tiếp từ bà N, nợ hui và cần trừ nợ từ bà Minh nên nội dung này không phải chứng minh. Tại phiên tòa bà K đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ trên cho bà N nhưng do khó khăn nên xin được trả dần làm 05 lần, trong 06 tháng trả 01 lần nhưng bà N không đồng ý nên xác định các đương sự tranh chấp về phương thức thanh toán nợ. Quá trình giải quyết vụ án bà K cho rằng bà đã trả lãi cho bà N với mức lãi suất cao và bà cam kết cung cấp chứng cứ để chứng minh cho tòa án nhưng bà không cung cấp được, tại phiên tòa bà K cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên xác định nội dung trên là không có. Trong các văn bản và trình bày của các đương sự thì khi lập biên bản nhận nợ các đương sự có thỏa thuận thời hạn thanh toán nhưng bà K không thực hiện đúng cam kết là vi phạm quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K và ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ hui là 196.600.000 đồng và số tiền cần trừ nợ từ bà Minh là 64.000.000 đồng mà không yêu cầu lãi, nội dung này phù hợp với quy định của pháp luật và được bà K chấp nhận nên có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền bà K vay trực tiếp của bà N 100.000.000 đồng ngày 30/11/2015 bà N yêu cầu bà K, ông H thanh toán tiền gốc và tiền lãi từ ngày viết giấy nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm và được bà K chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên tòa bà K đề nghị được thanh toán nợ cho bà N trong 06 tháng thanh toán một lần, chia làm 05 lần mà không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về nghĩa vụ thanh toán nợ*: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Công H xác nhận mình là chồng của bà K và có ký trong các văn bản nhận nợ trên và không có ý kiến gì về số tiền và cam kết ghi trong các văn bản trên; tuy nhiên ông khai ông đồng ý ký vào các giấy nhận nợ trên là với điều kiện bà N cho vợ chồng ông trả nợ làm nhiều lần; ông không đồng ý cùng thanh toán nợ cùng bà K vì ông cho rằng việc bà K vay nợ, chơi hui ông không biết và cũng không mang tiền về để sử dụng chung cho cuộc sống gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào các văn bản nhận nợ và các lời khai của các đương sự thì giai đoạn bà K vay nợ của bà N; ông H và bà K là vợ chồng và cùng chung sống trong một nhà; khi bà N yêu cầu ông ký vào các giấy nợ thể hiện sự ràng buộc về nghĩa vụ, không có sự ép buộc hay lừa dối mà thể hiện sự tự nguyện của mình; mặt khác bà K trình bày, bà làm ăn với bà N từ năm 2006-2007 đến nay, công việc chủ yếu của vợ chồng bà là đi nấu cơm thuê, trong nhà có 02 con chung ăn học nên xét thu nhập trên là không đủ để sinh hoạt gia đình, vì vậy xác định quá trình bà K làm ăn với bà N là vì mục đích chung của gia đình; bà N cũng trình bày bà đi đòi nợ nhiều lần ông H biết, vì vậy ông H trình bày giao dịch dân sự giữa bà N và bà K ông không biết và bà K làm ăn không vì mục đích phục vụ cuộc sống chung gia đình nhưng ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở; căn cứ vào quy định tại Điều 25 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 110 của Bộ luật dân sự năm 2005 buộc ông Nguyễn Công H phải có nghĩa vụ cùng bà Lê Thị K thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị N là phù hợp.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] *Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa*: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Căn cứ Điều 25 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 290, 388, 389, 471 và Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

1. *Về nghĩa vụ thanh toán nợ:* Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc tổng cộng là 340.600.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*) và tiền lãi là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 18 \text{ tháng} = 1.800.000 \text{ đồng}$ (*Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng*) tính đến ngày 26 tháng 03 năm 2017.

2. *Về nghĩa vụ thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Công H phải chịu 17.973.300 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm*) đồng. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.515.000 (*Tám triệu năm trăm mười lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0012005 ngày 17/3/2017.

4. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học

